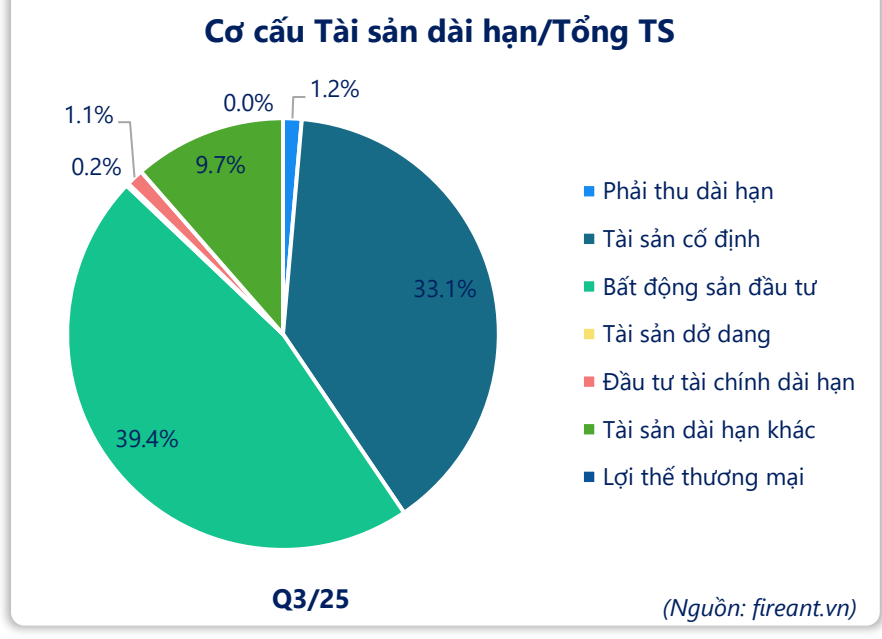
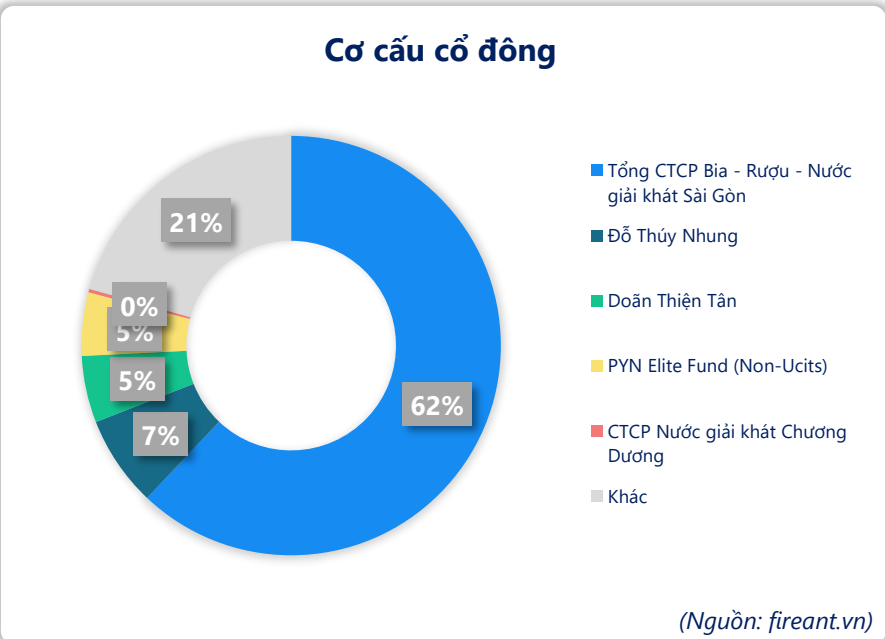
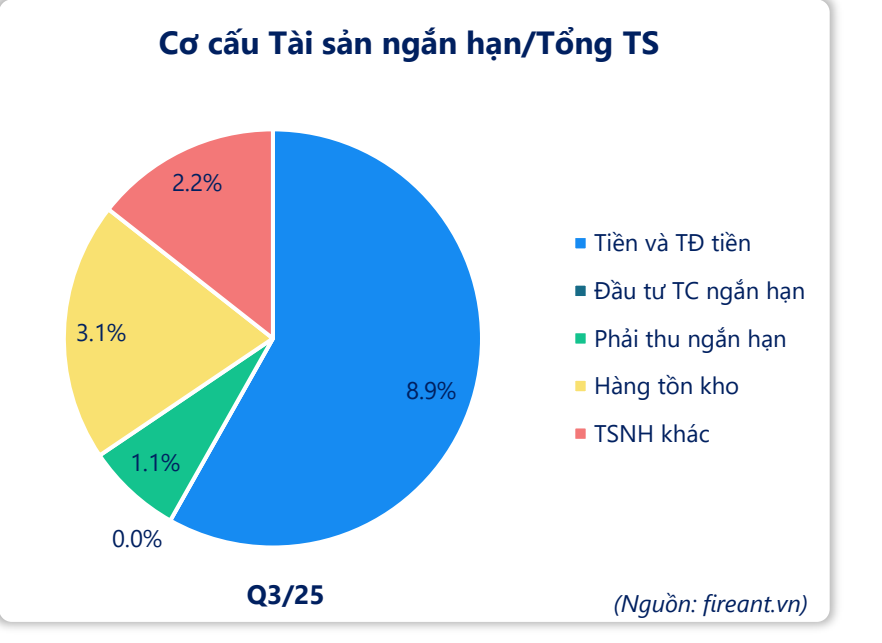
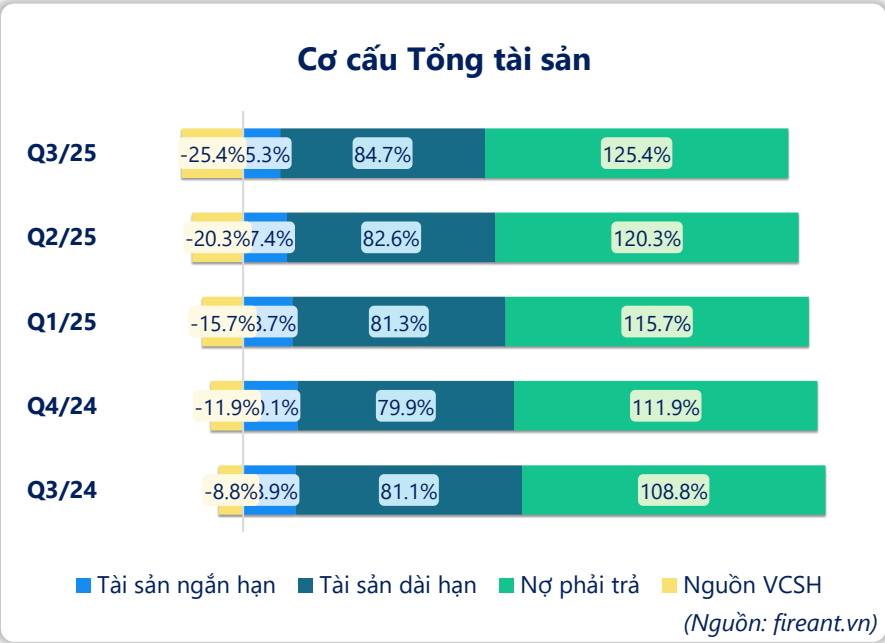
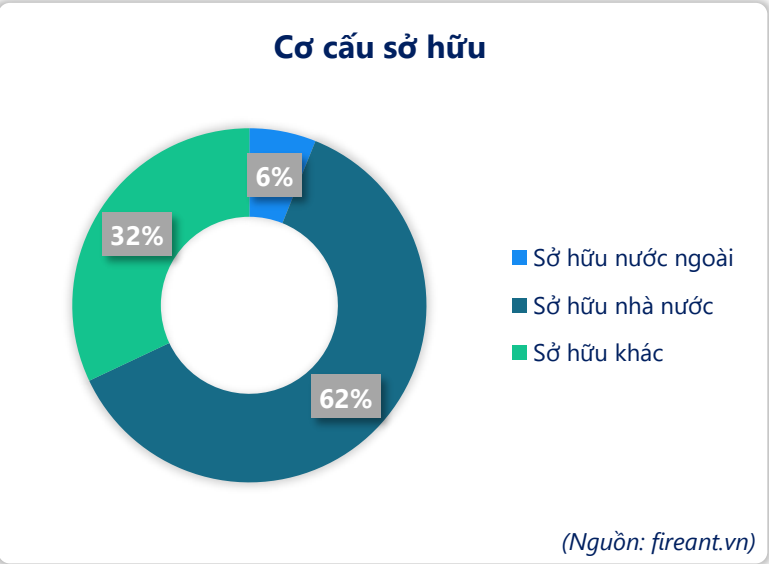
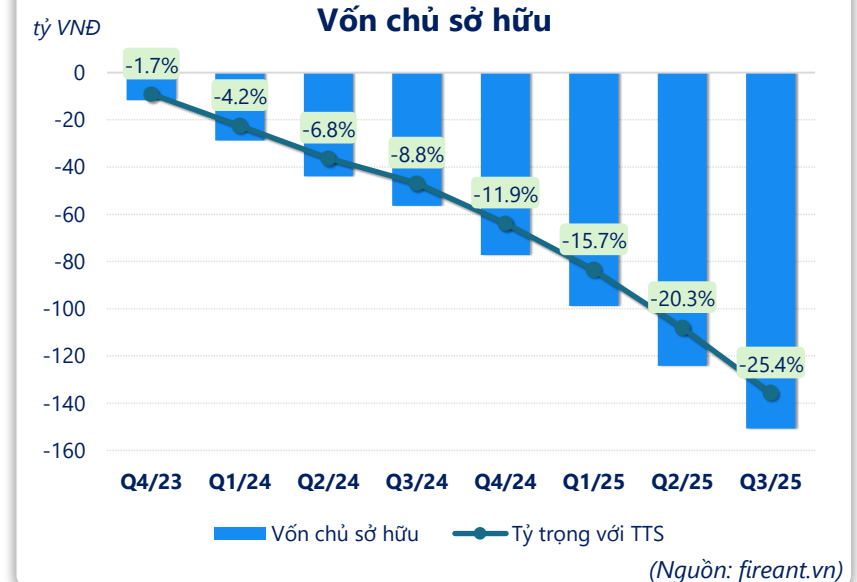
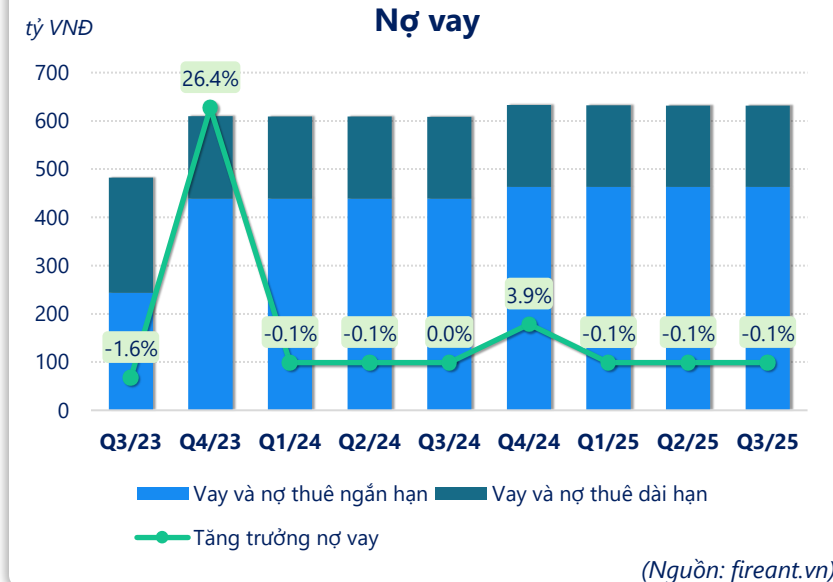
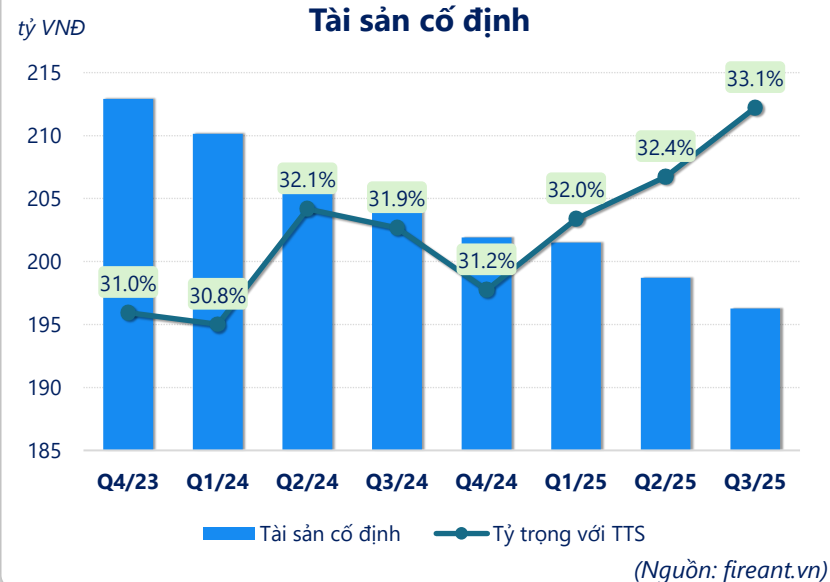
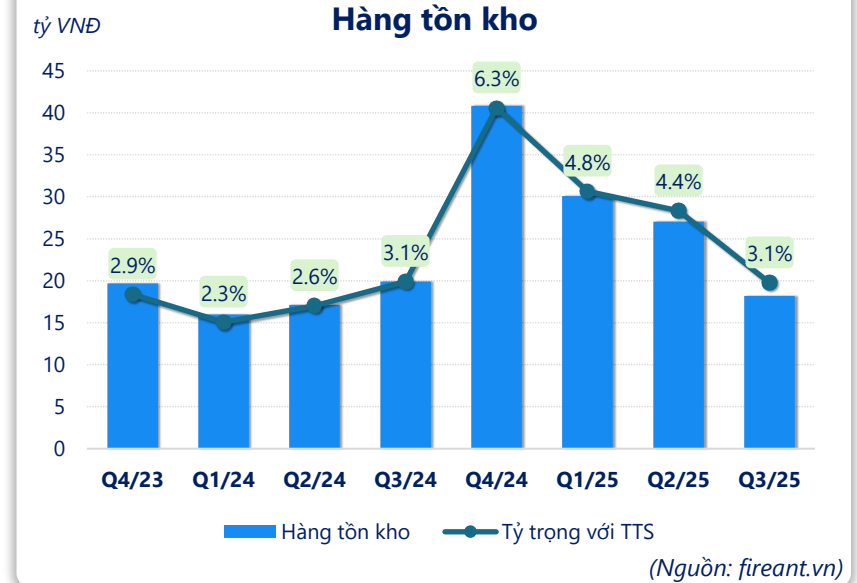
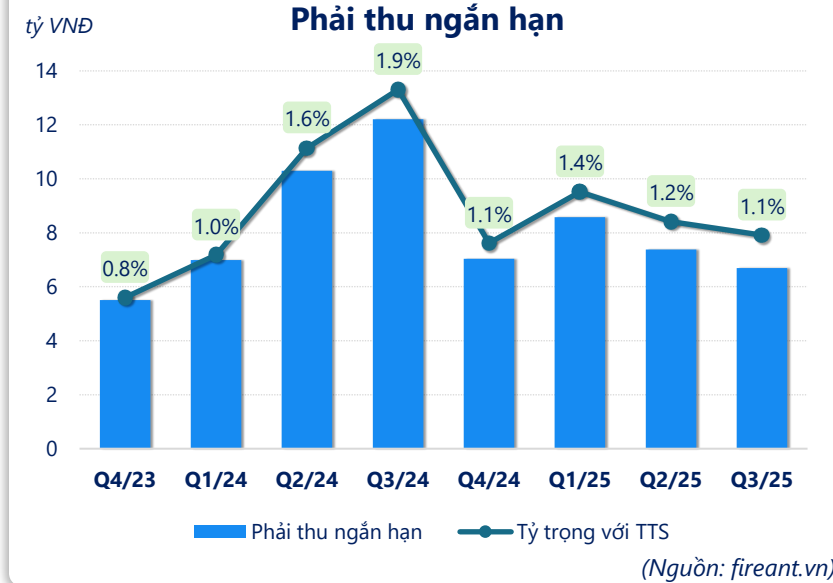
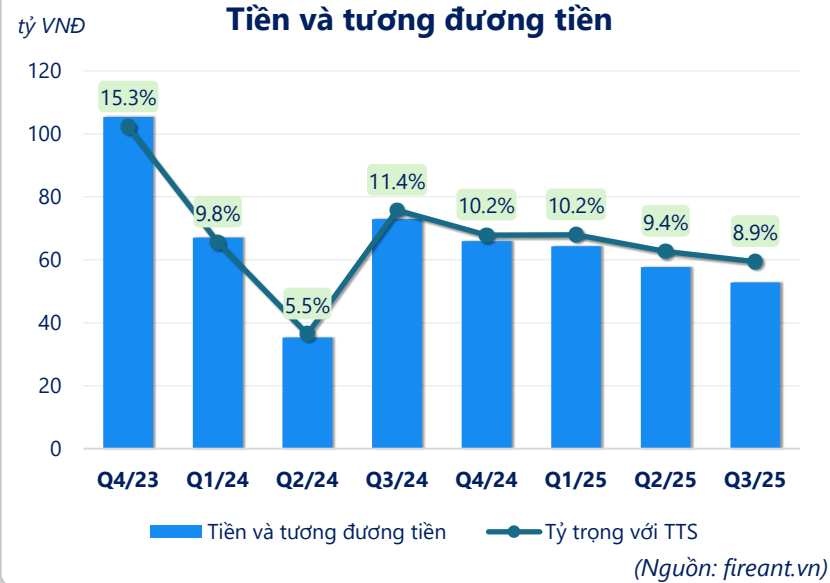
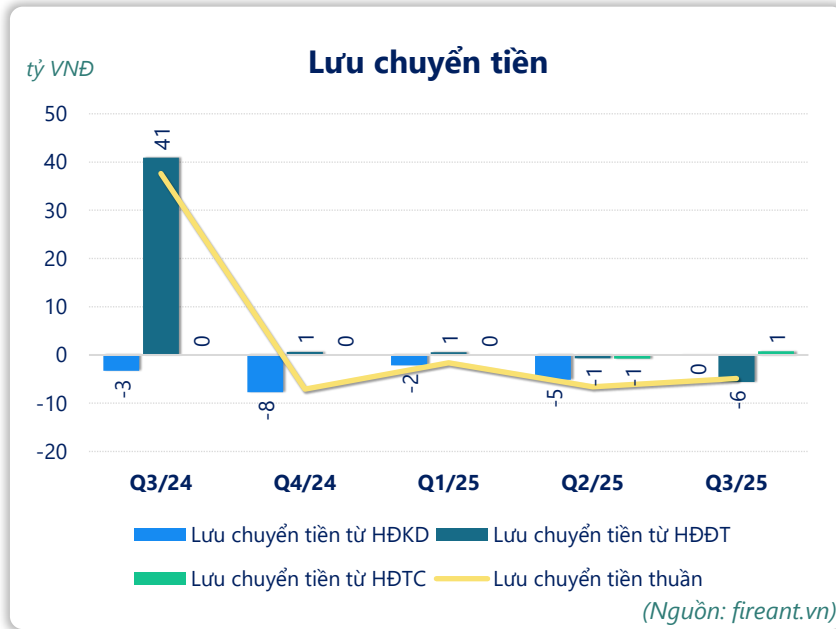
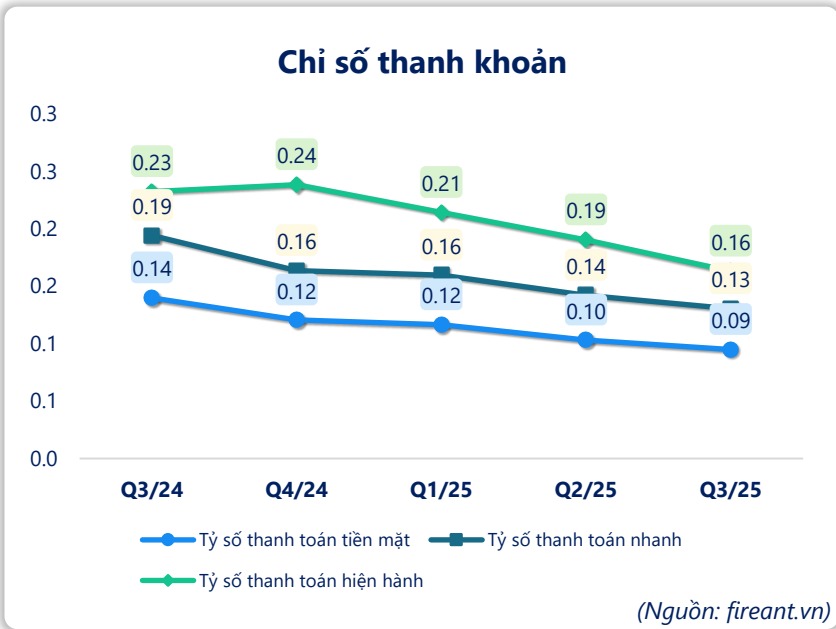
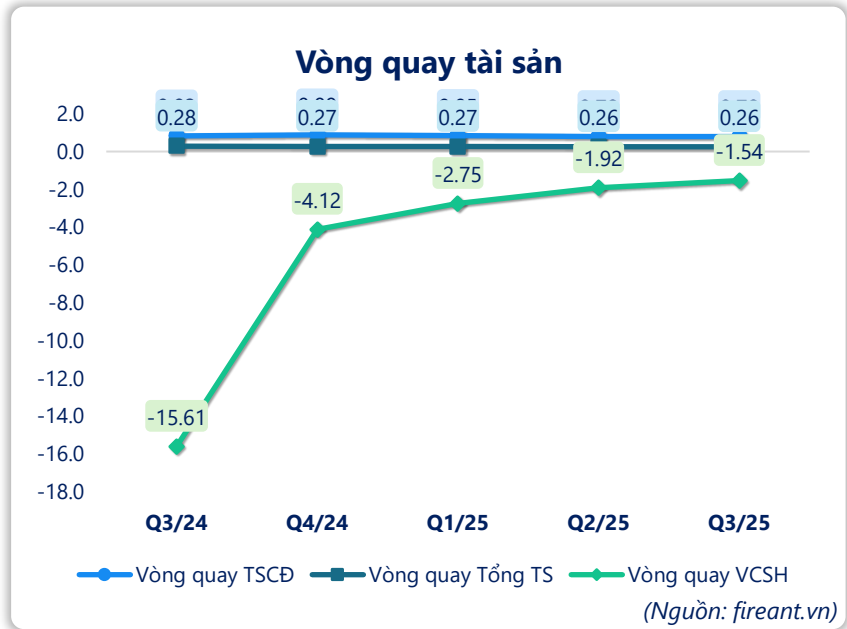
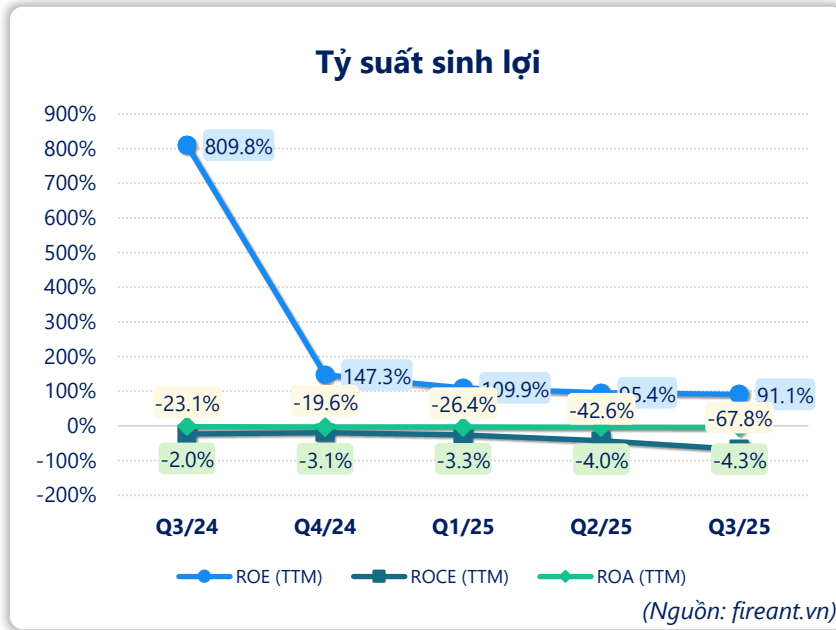
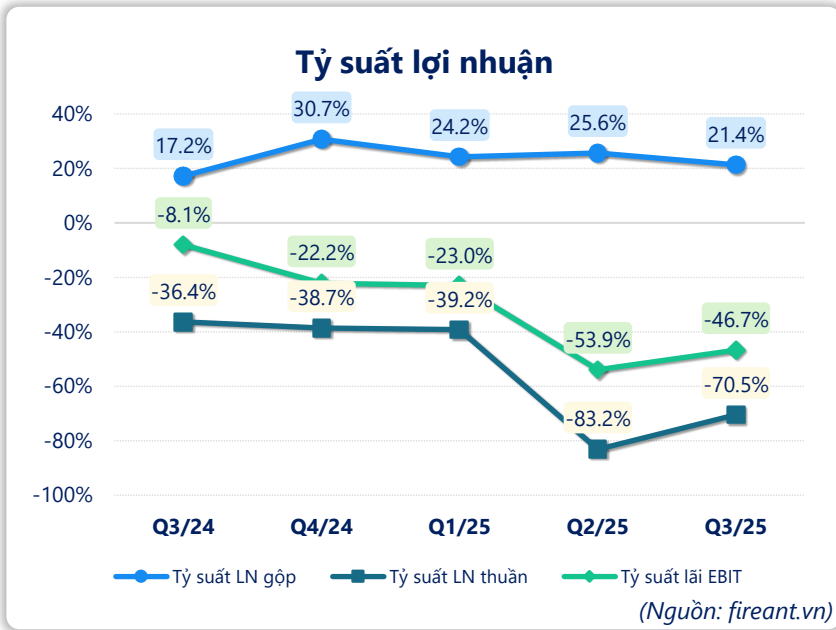
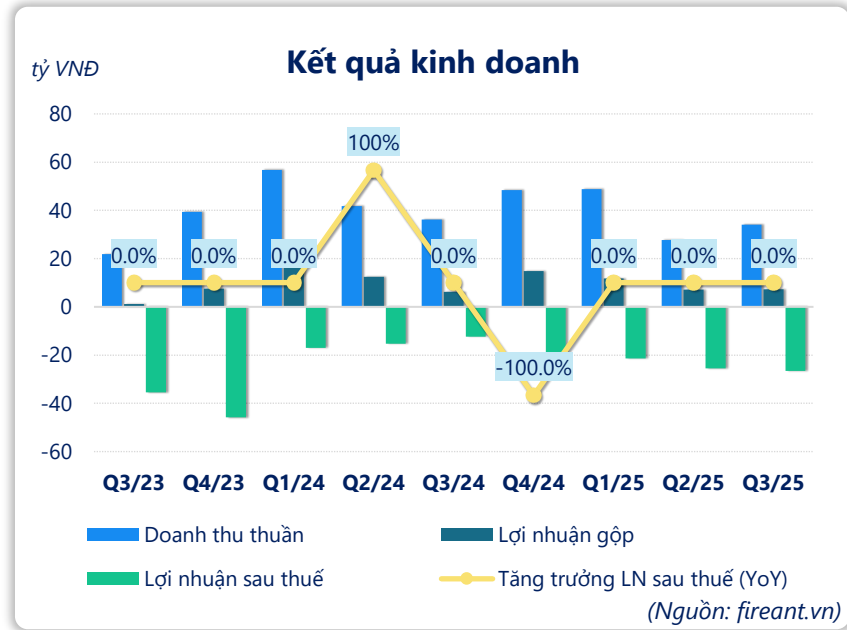


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
SL cổ phiếu LH		8,477,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)		810
% sở hữu nước ngoài		6.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		111
P/E		-1.2
EPS		-11,131

	YTD	1T	3T	6T
SCD	-8.4%	0.8%	1.6%	-20.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	592	647	-8.5%
Tài sản ngắn hạn	90.8	130	-30.3%
Tiền và tương đương tiền	52.8	65.9	-19.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.70	7.04	-4.8%
Hàng tồn kho	18.2	40.9	-55.5%
Tài sản ngắn hạn khác	13.1	16.4	-20.5%
Tài sản dài hạn	502	517	-3.0%
Phải thu dài hạn	7.00	7.00	0.0%
Tài sản cố định	196	202	-2.8%
Bất động sản đầu tư	234	241	-3.2%
Tài sản dở dang	0.97	2.24	-56.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.50	6.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	57.3	58.0	-1.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	743	724	2.6%
Nợ ngắn hạn	557	547	1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	463	463	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.3	41.9	-37.3%
Nợ dài hạn	186	178	4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	168	169	-0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-151	-77.3	-95.0%
Vốn chủ sở hữu	-151	-77.3	-95.0%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	36.2	48.4	48.8	27.7	34.1
Giá vốn hàng bán	30.0	33.6	37.0	20.6	26.8
Lợi nhuận gộp	6.23	14.9	11.8	7.10	7.28
Doanh thu HĐTC	0.70	0.64	0.59	0.50	0.40
Chi phí TC	10.1	10.3	10.3	10.7	10.8
Chi phí lãi vay	10.1	10.3	10.3	10.6	10.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.83	16.5	17.0	15.2	15.7
Chi phí QLDN	6.13	7.35	4.23	4.82	5.20
LN thuần từ HĐKD	-13.2	-18.7	-19.1	-23.0	-24.0
Lợi nhuận khác	0.10	-2.35	-2.46	-2.53	-2.68
LN trước thuế	-13.1	-21.1	-21.6	-25.6	-26.7
Lợi nhuận sau thuế	-12.4	-20.9	-21.4	-25.4	-26.5
LNST của CĐ cty mẹ	-12.4	-20.9	-21.4	-25.4	-26.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.31	-7.69	-2.17	-5.15	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	40.9	0.62	0.55	-0.70	-5.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-0.74	0.74
Tiền đầu kỳ	35.3	72.9	65.9	64.3	57.7
Lưu chuyển tiền thuần	37.6	-7.08	-1.62	-6.58	-4.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	72.9	65.9	64.3	57.7	52.8

(Nguồn: fireant.vn)